

NGŨ BỘ CHÚ

Ngũ Bộ Chú là một nghi thức trì niệm của Mật Giáo gồm có 5 Chú Đà La Ni là: Tịnh Pháp Giới Chân Ngôn, Văn Thù Nhất Tự Hộ Thân Chân Ngôn, Lục Tự Đại Minh Chân Ngôn, Chuẩn Đề Cửu Thánh Tự Chân Ngôn và Nhất Tự Kim Luân Phật Đỉnh Chân Ngôn .

Về ý nghĩa của Chú Đà La Ni thì đại đa số các Dịch Giả không chịu phiên dịch vì 5 duyên cớ :

- 1. Vì tâm niệm bí mật nên không phiên dịch**
- 2. Vì ý nghĩa bí mật nên không phiên dịch**
- 3. Vì danh tự bí mật nên không phiên dịch**
- 4. Vì âm thanh bí mật nên không phiên dịch**
- 5. Vì thiện sinh bí mật nên không phiên dịch.**

Lại có một số học giả dựa theo nguyên tắc Ngũ chủng bất phiên do Ngài Huyền Trang đề xuất nên không chịu phiên dịch Chú Đà La Ni, đó là :

1. **Trang trọng bất phiên** (Tôn trọng sự trang nghiêm nên không phiên dịch)
2. **Đa Hàm bất phiên** (Do một chữ có rất nhiều nghĩa nên không phiên dịch)
3. **Bí mật bất phiên** (Do sự bí mật nên không phiên dịch)
4. **Thuận cổ bất phiên** (Do thuận theo người xưa nên không phiên dịch)
5. **Thử phương bất phiên** (Do phương này không có nghĩa thú đó nên không phiên dịch)

Chính vì Chú Đà La Ni không được phiên dịch nên nhiều người học Phật cho rằng Chú Đà La Ni không hề có nghĩa lý mà chỉ là một số âm vận ghép lại mà thành . Từ đấy họ nhận định rằng những ai tu học tìm cầu đường lối giải thoát qua phương pháp trì niệm Chú Đà La Ni đều là những kẻ mê tín dị đoan, không thể nào nhận chân được **Chính Pháp giải thoát** của Đức Phật .

Trong quyển **“Buddhism of Tibet or Lamaism”** ông Austin Waddwell nhận định rằng: *“Những Mạn Trà (Mantra -Thần Chú) và Đà La Ni (Dhàraṇī - Tổng Trì) là những tiếng ú ớ vô nghĩa, cái huyền bí của nó là một trò đùa ngu xuẩn với những tiếng lóng tối nghĩa và vong Pháp, còn Thiền của nó là một thứ ăn hại mà sự phát triển quý báu đã phá tan và làm ung thối đời sống bé nhỏ của chút kho tàng trong trắng còn lại của Đại Thừa Phật Giáo...”*

Trong thực tế, các Đạo Sư Mật Giáo đã giảng nghĩa lý cơ bản của các câu **Chú** (Mantra) **Đà La Ni** (Dhàraṇī) và **Đàn Pháp** (Maṇḍala) rất nhiều. Như Tam Tạng

Thiện Vô Úy (‘Subhakarasiṃha : 637 - 735) đã giảng dạy ý nghĩa câu chú A VAM RAṂ HAM KHAM . . . , ngài Sa Môn **Nhất Hạnh** (Ichigyo 638 - 727) giảng nghĩa lý của rất nhiều câu Chú và ghi trong bộ **Đại Nhật Kinh Sớ** . . . , ngài Đại Quảng Trí **Bất Không** (Amogha Vajra 705 - 774) đã chú giải nghĩa của bài Chú LĂNG NGHIÊM . . . , ngài **Không Hải** (Kūkai 774 - 835) giảng nghĩa hai Maṇḍala trọng yếu của Mật giáo là **Thai Tạng Giới** (Garbha dhātu) và **Kim Cương Giới** (Vajra dhātu). . . , Đại Sư **Thái Hư** giảng nghĩa câu Chú **Nhân Vương Hộ Quốc Đà La Ni** . . . , các Đạo Sư Mật giáo Tây Tạng cũng giảng dạy nghĩa lý của nhiều câu Chú như Lục Tự Đại Minh Chú, Kim Cương Thượng Sư Chú, Tam Tự Tổng Trì Chân Ngôn . . . và trong các quyển Mật Giáo Đồ Tượng đã ghi nhận nhiều lời giảng dạy về ý nghĩa của Chú Đà La Ni.

Trong Mật Tạng Đồ Tượng, quyển 3 , trang 219 có ghi nghĩa của bài Chú **Như Ý Luân Đà La Ni** như sau :

- Namō (𑖦𑖜𑖞): là Quy mệnh
- Ratnatrayāya (𑖦𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞): là Tam Bảo
- Namaḥ (𑖦𑖜𑖞𑖜): là Khể thủ (cúi lạy)
- Aryāvalokita (𑖦𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜): là Thánh Quán
- Iśvarāya (𑖦𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜): là Tự tại
- Bodhisatvāya (𑖦𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜): là Bồ Tát
- Mahāsatvāya (𑖦𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜): là Đại dũng mãnh đạo tâm giả (Bậc có tâm đạo đại dũng mãnh)
- Mahā Kāraṇikāya (𑖦𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜): là Đại Từ Bi tâm giả (Bậc có tâm Đại Từ Bi)
- Tadyathā (𑖦𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜): là Như vậy ; Khai Như Lai Tạng thuyết Chân Ngôn (Mở Tạng Như Lai nói Chân Ngôn)
- OM (𑖦𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜): là thành ở ba Thân. Dùng ba chữ A (𑖦𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜), U (𑖦𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜), MA (𑖦𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜) hợp thành một chữ (OM) với A là Pháp thân, U là Báo thân, MA là Hoá thân . Do ba chữ này kết hợp với Thật Tướng, tức thành nghĩa **Khể thủ lễ nhất thiết Như Lai** (Cúi đầu lễ tất cả Như Lai) cũng có nghĩa là **Như Lai Vô Kiến Đỉnh** (Nhục Kế không thể thấy của Như Lai)
- Cakra vartti (𑖦𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜): là hay chuyển bánh xe Pháp vô thượng, cũng có nghĩa **Đập phá**.
- Cintā maṇi (𑖦𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜): là Tư Duy Bảo, cũng có nghĩa là Như Lai Bảo. **Bảo** (báu) có 6 loại hay làm thỏa mãn các nguyện của chúng sinh .
- **Mahā padme** (𑖦𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜): là Đại Liên Hoa, biểu thị cho sự Tĩnh các phi pháp, vốn chẳng nhiễm .
- Ruru (𑖦𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜𑖞𑖜): là lìa bụi nhơ. Vì bụi có hai loại nên xưng 2 lần chữ Ru. Thứ nhất là Nội Trần tức 5 căn, thứ hai là Ngoại Trần, tức là 5 cảnh. Cả hai Trần đều Vô sở đắc nên dùng làm phương tiện để thành Du Già Quán Trí

- Tṛṣṭa (𑖳𑖫𑖞): là Trụ, cũng có nghĩa là Vô Trụ. VÔ TRỤ được dùng làm gốc của tất cả các Pháp cũng nói là **Vô trụ Niết Bàn, bất trụ sinh tử**. Do Đại Trí cho nên chẳng nhiễm sinh tử . Do Đại Bi cho nên chẳng trụ Niết Bàn .

- Jvala (𑖳𑖫𑖞): là lửa bùng cháy . Ánh sáng tràn khắp Pháp Giới, cảnh giác Thánh Chúng giáng tập phổ khởi ; Triệu tất cả Thiên Long Bát Bộ, các loại hữu tình vì ích lợi mà gia hộ .

- Akarṣaya (𑖳𑖫𑖞𑖫𑖞): là Thỉnh triệu. Do sự thỉnh triệu này : Chư Phật, Bồ Tát, Thiên Long Bát Bộ ứng với lời triệu mà đến, thấy đều vân tập, gia trì hộ niệm.

- Hùṃ (𑖳𑖫𑖞): là Tất cả Pháp vô nhân, cũng nói là **Bồ Đề Đạo Tràng** tức ngồi ở Bồ Đề Đạo Tràng chuyển bánh xe Chính Pháp . Do tương ứng với một chữ chân Ngôn này tức hay chứng ngộ tất cả Phật Pháp . Khi niệm niệm chứng ngộ Phật Pháp thì đủ Trí Tát Bà Nhã (Sarva jñā_ Nhất Thiết Trí) đi thẳng đến cứu cánh, ngồi Tòa Kim Cương, 4 ma hiện trước mặt, liền nhập vào Đại Bi Tam Muội giáng phục 4 Ma tức thành Chính Giác .

- Pha (𑖳𑖫𑖞): là Phá nát . Khi thành Phật thì phá 4 Ma

- Ṭ (𑖳𑖫𑖞): là tất cả Vô sở đắc, phàm vẽ hình như nửa vành trăng . Thích nói rằng : Tất cả Ngã vô sở đắc dùng làm phương tiện liền thành, sinh thành không, thành bán (một nửa)

- SVÀ (𑖳𑖫𑖞): là vô ngôn thuyết. Tức thành Pháp Không Trí, nghĩa là Mãn Tự (Chữ đầy đủ) cũng nói là **Thành tựu Đại Phước Đức**

- HÀ (𑖳𑖫𑖞): là đoạn phiền não. Khiến các Hữu Tình đoạn hại phiền não, trừ bỏ tai họa. Mọi sự trông thấy đều vui vẻ. Sau khi mệnh chung, sinh về thế giới **Cực Lạc** (Sukhavatī), hóa sinh trong Hoa sen, thấy Phật **Vô Lượng Thọ** (Amitayuh) được nghe Chính Pháp, mau chứng Bồ Đề .

Trong **Tổng Thích Đà La Ni Nghĩa Tán** do ngài Tam Tạng Sa môn Đại Quảng Trí Bất Không phụng chiếu giải thích có ghi rằng :

“Đức Như Lai ở trăm ngàn Câu chi A tăng kỳ kiếp gom chứa chất liệu Bồ Đề, gia trì văn tự Chân Ngôn của Đà La Ni khiến cho Bạc Bồ Tát đến ngộ tương ứng với điều này mà đốn tập chất liệu của Phước Đức và Trí Tuệ . Ở nơi Đại Thừa, cần tu hành hai lối của Bồ Tát Đạo để chứng đạo Vô Thượng Bồ Đề. Ấy là: y theo các Ba La Mật để tu hành thành Phật, và y vào ba Mật Môn của Chân Ngôn Đà La Ni để tu thành Phật.

❖ Đà La Ni (Dhāraṇī) là tiếng Phạn, thường phiên dịch theo nghĩa Tổng trì . Có 4 loại trì là : Pháp Trì, Nghĩa Trì, Tam Ma Địa Trì, Văn Trì .

A . Pháp Trì :

Do được Trì này mà đập tan tất cả các Pháp tạp nhiễm và chứng được giáo pháp lưu lộ từ nơi Pháp Giới thanh tịnh .

B . Nghĩa Trì :

Do được Trì này nên ở trong nghĩa của một chữ mà được trăm ngàn vô lượng hạnh của **Tu Đa La** (Sùtra _ Khế Kinh) và diễn nói thuận nghịch đều tự tại

C . Tam Ma Địa Trì :

Do được Trì này nên Tâm chẳng tán động mà được Tam Muội hiện tiền, ngộ được vô lượng trăm ngàn môn Tam Ma Địa . Vì tăng trưởng Tâm Bi của Bồ Tát cho nên dùng nguyện thọ sinh nơi sáu nẻo mà chẳng bị **Căn Bản Phiền Não** (Mùla-Kle'sa) với **Tùy Phiền Não** (Upakle'sa) phá hoại được Tam Muội ấy . Lại do Tam Muội Địa này mà chứng được năm thần thông để thành tựu sự lợi lạc cho vô biên chúng Hữu Tình .

D . Văn Trì :

Do đây mà thọ trì Đà La Ni để thành tựu sự nghe, ấy là tất cả Khế Kinh ở chốn của tất cả Như Lai và tất cả Bồ Tát, nghe được trăm ngàn vô lượng Tu Đa La (Sùtra_ Khế Kinh) mà chẳng hề quên mất.

- **Chân Ngôn** cũng có đủ 4 nghĩa - Chân là tương ứng Chân Như, Ngôn là thích dịch nghĩa chân thật . Bốn nghĩa của Chân ngôn là :

1 . **Pháp Chân Ngôn** : là Pháp giới thanh tịnh dùng làm Chân Ngôn .

2 . **Nghĩa Chân Ngôn**: là tương ứng Thắng nghĩa, trong mỗi mỗi chữ có sự tương ứng chân thật .

3 . **Tam Ma Địa Chân Ngôn**: Do bậc Du Già dùng Chân Ngôn này để bố liệt (An bày) văn tự của Chân Ngôn lên trên vành trăng KÍNH TRÍ của Tâm đồng thời chuyên chú Tâm chẳng lay động mà mau chóng chứng được Tam Ma Địa . Vì thế gọi là Tam Ma Địa Chân Ngôn .

4 . **Văn Trì Chân Ngôn**: Từ chữ ÁN (OM) cho đến chữ SA PHỘC HA (SVÀHÀ) có bao nhiêu văn tự ở khoảng giữa thì mỗi mỗi chữ đều gọi là Chân Ngôn, cũng gọi là Mật Ngôn và cũng có đủ 4 nghĩa :

a . Pháp Mật Ngôn : chẳng phải là phi pháp với cảnh giới của Nhị Thừa và Ngoại Đạo mà chỉ tu Chân Ngôn Hạnh Bồ Tát . Tất cả Sở văn, Sở từ, Ấn khế, Man Đà La, tu hành Sở cầu Tất Địa đều gọi là Pháp Mật Ngôn

b . Nghĩa Mật ngôn : là mỗi mỗi chữ trong Chân Ngôn thì chỉ có Phật với Phật cùng với Bậc Bồ Tát đại uy đức mới có thể nghiên cứu hết mà thôi .

c . Tam Ma Địa Mật Ngôn : là do Tam Ma Địa và văn tự của Chân Ngôn trong sự kiện này mà tương ứng được uy lực .

d . Biến Bố Mật Ngôn : là theo Thầy mật truyền quy tắc của ba Mật, chỉ có Thầy và Đệ Tử biết thôi chẳng thể cho người khác biết được cho đến Quán Môn, Ấn Khế, hình tượng của Bản Tôn cũng mật thọ trì cho đắc được Tâm Sở hy vọng Tam Ma Địa .

❖ Sự nghe giữ chẳng quên, Thiên Nhãn, Thiên Nhĩ, Tha Tâm và Tất Địa thượng trung hạ cũng gọi là MINH (Vidya) . Minh có 4 nghĩa là :

A . Pháp Minh :

Kẻ tu hành xứng tụng thì ánh sáng trong mỗi mỗi chữ chiếu khắp mười phương Thế Giới khiến cho tất cả chúng sinh Hữu Tình đang chìm đắm trong biển khổ sinh tử đều phá được phiền não vô minh, đều xa lìa khổ đau mà được giải thoát. Vì thế, gọi là Pháp Minh .

B . Nghĩa Minh :

Là do bậc Du Già tương ứng với nghĩa của Chân Ngôn nên thông đạt, minh liễu được Bát Nhã Ba la Mật mà xa lìa đạo lý vô nghĩa .

C . Tam Ma Địa Minh :

Là do quán tưởng Chủng Tử (Bija) của Chân Ngôn ở trong vành trăng Tâm mà đắc được đại quang minh, tác Tự Tha Chiếu Minh Tam Ma Địa mà thành tựu .

D . Văn Trì Minh :

Là chứng được Văn Trì Pháp (‘Srutimyo Dharma) hay phá được các Hoặc của sự lãng quên. chứng đắc Tâm Bồ Đề (Bodhi Citta) mà thành tựu .

Như trên là nghĩa của Đà La Ni, Chân Ngôn, Mật Ngôn và Minh đều dựa theo Phạm văn . Lại ở trong Tu Đa La của Hiển Giáo hoặc ở trong Chân Ngôn của Mật Giáo cũng xứng nói 4 điều như vậy .

Hoặc có Chân Ngôn có 1 chữ, 2 chữ, 3 chữ, 100 chữ, 1000 chữ, vạn chữ cho đến biến con số này thành vô lượng vô biên chữ thì đều gọi là Đà La Ni, Chân Ngôn, Mật Ngôn, và Minh .

Nếu tương ứng với ba Mật Môn thì chẳng cần phải trải qua nhiều kiếp cực nhọc tu hành khổ hạnh mà lại hay mau chóng chuyển được Định Nghiệp để dễ thành tựu sự an lạc và thành Phật . Do đó nên biết đây chính là con đường đi mau chóng vậy”.

[Đại Chính Tân Tu, Mật Giáo Bộ I. Quyển 18_ No 902_ Tr 898]

Theo từ ngữ thì **Thần Chú** (Mantra) là lời cầu đảo, câu chú nguyện có ý nghĩa rất bí hiểm, khi đọc lên có tác dụng hiện ra các hiện tượng thiên nhiên cả lành lẫn dữ. Hoặc Mantra diễn tả ước vọng mãnh liệt, khát vọng nồng nhiệt của mục đích nhằm ve vãn các Thần Linh. Do đó, Mantra là phương tiện đi đến giao hảo với những sức mạnh vô hình chung quanh chúng ta và rất hiệu nghiệm nếu chúng ta thực hành đúng tất cả quy luật chi ly của Mantra ấy. Dựa vào ý nghĩa này, các hệ phái Bí Mật của Thần Giáo đã dùng những Mantra vào những mục đích nhằm thỏa mãn những dục vọng cá nhân như : *đạt năng lực siêu nhiên, trừ Ma Quỷ bệnh tật, thu ếm ; cầu giàu sang, phú quý, quyền lực, danh vọng...*

Theo Mật Tông Phật Giáo thì **Thần Chú** (mantra) là ngôn ngữ bí mật được phát ra do sức thiền định nên có thần lực không thể lường được. Vì thế Thần Chú cũng gọi là chú Đà La Ni nghĩa là chú Tổng Trì không mất .

Diệu dụng của chú Đà La Ni là tạo ra sự suy nghĩ cho Hành Giả; giữ gìn và thấu tóm mọi nghĩa lý làm tiền đề cho việc tham khảo của Hành Giả tức là đề mục của sự Trì niệm quán tưởng nhằm đi vào Chính Định để phát sinh Trí Tuệ. Trên công năng

căn bản thì Chú Đà La Ni nắm giữ **Pháp lành** không cho tản mất, chế ngự **Pháp ác** không cho nổi lên, từ đấy sinh ra mọi công đức diệu dụng. Dựa vào ý nghĩa này, các vị Du Già Mật Tông luôn giữ gìn Thân, Khẩu, Ý cho trong sạch; thường xuyên tu tập thiền định quán tưởng cho đến khi thực chứng được Trí Tuệ giải thoát chứ không hề lưu tâm đến các năng lực Thần Thông có được trong thời gian tu tập. Đây chính là điểm sai biệt giữa Mật Tông Phật Giáo với các giáo phái bí mật khác .

Lại nữa, tùy theo trình độ cao thấp, giác ngộ cạn sâu mà Chú Đà La Ni (hay Thần Chú) được chia làm 5 loại :

- 1 . Thần Chú của Chư Phật
- 2 . Thần Chú của Chư Bồ Tát và Kim Cương Mật Tích
- 3 . Thần Chú của Chư Thánh Văn và Bích Chi Phật
- 4 . Thần Chú của chư Thiên
- 5 . Thần Chú của các vị Quỷ Thần (Rồng, Chim, A tu la, Dạ xoa, La sát, Quỷ đói...)

Mỗi một Thần Chú được biểu tượng cho mỗi một Giáo Pháp đang lưu lộ từ nơi Pháp Giới thanh tịnh. Mỗi một Giáo Pháp lại được biểu tượng bằng một Bản Tôn. Mỗi Bản Tôn đều gồm đủ 3 mật của Thân, Khẩu, Ý trong đó Hình sắc các chữ biểu thị cho Thân Mật, âm thanh các chữ biểu thị cho Khẩu Mật, nghĩa thú các chữ biểu thị cho Ý Mật. Nếu tương ứng được ba môn Mật ấy tức chứng được một Giáo Pháp giải thoát. Từ đây, Hành Giả sẽ tu tập mọi Giáo Pháp để thực chứng quả vị Vô thượng Bồ Đề. Dựa vào ý nghĩa này, các vị đạo sư Mật Tông thường khuyên dạy các Đồ Chúng rằng :

*“Hãy trì niệm Chân Ngôn thật chậm rãi, rõ ràng, không được bỏ sót hay lãng quên để cho thân tâm được an tĩnh. Tiếp đó, hãy nhiếp tâm ý quán tưởng các chữ của Chân Ngôn chuyển biến thành Bản Tôn với đầy đủ sắc tướng uy nghi, tâm lặng, Pháp hỷ, uy mãnh . . . mỗi mỗi đều như Ấn của Thân Ý mật chẳng được sai lầm. Sau đó quán thân của Bản Tôn; chẳng tác tưởng trong ngoài cho đến khi khoảng cách tâm ý về **người trì niệm, Pháp trì niệm và đối tượng trì niệm** đều tan biến cả thì lúc ấy thân của Bản Tôn tức là thân của hành giả nghĩa là Hành Giả đã bước vào Chính Định. Nơi đây, mọi nghĩa thú của Chân Ngôn sẽ được sáng tỏ và Hành Giả sẽ mau chóng trực kiến được Chính Pháp giải thoát vốn có từ xưa trong bản tâm mình”.*

Bình thường, để nhắc nhở các đệ tử đừng lãng quên ý hướng tu tập của mình, các vị đạo sư Mật Tông thường minh họa hình tượng của các Tôn trong một Đàn Pháp gọi là MANḌALA với ý nghĩa cứu cánh là Luân Viên Cụ Túc hay Phát Sinh Chư Phật.

Ngoài ra, các Ngài còn ghép các bài Chú riêng biệt hợp thành một nghi thức niệm tụng để giáo hoá các đệ tử và **Ngũ Bộ Chú** chính là một trong các phương pháp minh định cho Đồ Chúng thâm nhập vào pháp **Hiển Mật Viên Thông Thành Phật Tâm Yếu** vậy .

I. TỊNH PHÁP GIỚI CHÂN NGÔN

ॐ

OM

Ṛ

RAM

- OM (ॐ) có nghĩa là *ba thân quy mệnh*

- RAM (Ṛ) là thanh chuyển của chữ RA (Ṛ), trong đó RA là chủng tử của bụi dơ, nó đưa đến sự mê mờ chướng ngại. Nhưng trong chữ RA lại có mẫu âm A (Ṛ), khi nhập vào chữ A thì có thể dứt trừ được mọi sự mê mờ chướng ngại. Do vậy, RA tự môn có ý nghĩa là xa lìa tất cả bụi dơ phiền não .

Trong năm đại thì RA biểu tượng cho Hỏa đại mà lửa thì có hai loại là ***lửa thế gian*** và ***lửa xuất thế gian*** .

1 . Lửa thế gian : có hai loại là nội hỏa và ngoại hỏa .

a . Nội hỏa : tượng trưng cho lửa phiền não của ba độc Tham, Sân, Si hay thiêu đốt tất cả căn lành của các chúng sinh .

b . Ngoại hỏa : là sức nóng ấm áp hay thành tựu chúng sinh và nuôi lớn vạn vật

2 . Lửa xuất thế gian : còn gọi là **Trí Hỏa**, lửa này hay thiêu đốt tất cả phiền não của chúng sinh với tập khí của Bồ Tát, tức là đốt cháy mọi Vô minh, phiền não, ám chướng của tất cả chúng sinh .

Vì chúng sinh không thật sự biết mình vốn có tâm tính cực thanh tịnh lại mãi mê đeo đuổi các trần cảnh cho nên nguyên tố nung nóng (Hỏa đại) đã tạo thành nhiệt tâm đam mê ích kỷ, chỉ muốn tìm kiếm mọi cảm giác làm thỏa mãn ý riêng, chẳng lưu tâm đến sự tàn hại xảy ra với ngoại giới. Do đây, **NGÃ CHẤP** mỗi lúc mỗi được củng cố bền chắc, các căn bất thiện được dịp tăng trưởng, gây trở ngại, phá hủy các căn lành và dẫn dắt chúng sinh lăn lộn trong bùn sinh tử khổ đau .

Ngược lại, nếu chúng sinh nào biết trừ diệt NGÃ CHẤP qua phương pháp **Bố Thí** và tự thanh tịnh thân tâm qua phương pháp **Trì Giới** thì nhiệt tâm đam mê ích kỷ sẽ bị thiêu hủy. Lúc ấy, nguyên tố nung nóng sẽ chuyển thành ánh sáng rực rỡ của Trí Tuệ chiếu phá mọi Vô minh ám chướng trong Pháp Giới, giúp cho chúng sinh tự nhận biết được bản tâm cực thanh tịnh của chính mình. Từ đây, Chân Pháp Chân Trí xuất hiện và thúc đẩy chúng sinh ấy đi thẳng đến quả vị Vô thượng Chính Đẳng Chính Giác.

Dựa vào ý nghĩa này, các Đạo sư Mật Tông đã nhận định rằng: “*RA tự môn là Pháp trừ chướng chân thật bậc nhất. Nếu đặt chữ RA (Ṛ) ở con mắt thì sẽ được thanh tịnh, nhờ đó trí kiến cũng được thanh tịnh và hành giả mau chóng quán thành tựu thật tướng của Tâm tức là nhận biết được Tâm Bồ Đề cực thanh tịnh vốn có nơi mình*”

Khi chữ RA được chuyển thêm thanh Tam Muội nghĩa là chấm thêm điểm Đại Không trên đầu thì thành chữ RAM (Ṛ). Do điểm Đại Không biểu thị cho Tam Muội

Đại Không nên RAM chính là Hỏa sinh Tam Muội, biểu thị cho **Đại Không Trí Hỏa Tam Muội** là TRÍ PHÁP THÂN của Đại Nhật Như Lai có công dụng hay thiêu đốt tất cả bụi dơ vô thủy vô minh của chúng sinh và giúp cho mầm giống của Tâm Bồ Đề được sinh trưởng .

Dựa vào công năng thiêu cháy hết tất cả bụi dơ ám chướng của Thế Gian để hiển bày Pháp Giới thanh tịnh bản nhiên mà RAM được gọi là Pháp Giới Sinh Chân Ngôn hay là Tịnh Pháp Giới Chân Ngôn. Từ ý nghĩa này, người hành Chân Ngôn thường trì niệm OM RAM để làm cho 3 nghiệp Thân, Khẩu, Ý được trong sạch ; tiêu trừ tất cả tội chướng, thành tựu tất cả thắng sự và được thanh tịnh ở bất cứ nơi nào .

Trong phẩm **Tất Địa Xuất Hiện** của Kinh **Đại Tỳ Lô Giá Na Thành Phật Thân Biến Gia Trì** có ghi :

- *Chữ LA (RA _ 𑖀) chân thật thắng*

Phật nói : Nó trên lửa

Có bao nhiêu nghiệp tội

Đáng phải chịu quả báo

Du kỳ (yogi) *Người khéo tu*

Đẳng Dẫn đều tiêu trừ

Trú nơi hình tam giác

Khắp hình đồ đẹp ý

Lửa tỏa quanh vắng lặng

Tam giác tại tim mình

Tương ứng quán trong đấy

Chữ LA, điểm Đại Không (RAM _ 𑖀)

Bậc Trí như Du Già

Dùng nó thành mọi việc

Nhật Diệu, các quyền thuộc

Làm được tất cả lửa

Nhiếp giữ, phá oán đối

Đốt hết mọi chi phần

Các điều ấy nên làm

Đều ở Trí Hỏa Luân .

Ngoài ra, Bậc cổ Đức còn có kệ rằng :

- *Chữ LA (𑖀) sắc trắng sạch*

Dùng chấm Không thêm vào (𑖀)

Như Bảo Minh Châu kia

Đặt nó ở trên đỉnh

Chân Ngôn đồng Pháp Giới

Trừ vô lượng các tội
Tất cả nơi xúc ược
*Thường trì **Tự Môn** này .*

Lại nữa, do ý nghĩa **Tiêu trừ tất cả bụi nhơ phiền não ám chướng** cho nên RAM còn là chủng tử của **Trừ Cái Chướng Bồ Tát** (Sarva Nivaraṇa-viṣkambhin-bodhisatva). Vị Bồ Tát này hay trú ở Tam Muội Bi Lực, dùng tất cả các Môn trong Pháp Giới mà tịnh trừ các nghiệp chướng cứu khổ chúng sinh. Việc Trừ cái chướng này nhằm phá trừ mọi lưới mê vọng của chúng sinh và phủ sạch mọi bụi nhơ phiền não đang che phủ bản tâm thanh tịnh như như vốn có của tất cả chúng sinh giúp họ chứng được *con đường sáng tỏ của Pháp* (Pháp Minh Đạo) là biết Tâm thực tế vốn chẳng sinh, Tâm ấy thanh tịnh an trụ sinh Đại Tuệ chiếu khắp vô lượng Pháp Tính, thấy rõ Đạo của Chư Phật hành, ít tốn công sức mà được Tam Muội Trừ Cái Chướng, thấy thực tướng của 84.000 nhóm báu, được đồng đẳng trụ với Chư Phật Bồ Tát, tự tâm chứng được Diệu tướng Trạm Nhiên của Chư Phật mười phương . Từ đó rộng làm Phật sự, nuôi dưỡng hạt giống Như Lai mà mau chóng được Quả Bồ Đề

Nay trì niệm chủng tử RAM này, hành giả sẽ mau chóng thấu ngộ được bản tính thanh tịnh vốn có nơi mình, do đó tự phát khởi đức tin trong sạch thâm sâu nơi Phật Pháp và tự khai mở lại bản giác Như Như vốn có của mình.

Đây là giai đoạn nương theo lực gia trì của **Trí Pháp Thân** , tu tập hai Pháp **Bố Thí Ba La Mật** (Dāna pāramitā) với **Trì Giới Ba La Mật** (‘Sīla pāramitā) để dọn sạch đất Tâm và gieo trồng hạt giống Bồ Đề

II .VĂN THÙ NHẤT TỰ CHÂN NGÔN



OM



'SRHYIM

- OM (ॐ) có nghĩa là Tam thân quy mệnh
- 'SRHYIM (ॐ) được kết hợp bởi 6 âm tự là :
 - . 'SA (ॐ) là tất cả các Pháp bản tính tịch
 - . RA (ॐ) là tất cả các Pháp liả các trần nhiễm

- . HA (𑖇) là tất cả Pháp Nhân chẳng thể đắc
- . YA (𑖙) là tất cả Pháp Thừa chẳng thể đắc
- . I (𑖩) là tất cả Pháp Căn chẳng thể đắc
- . MA (𑖓) là tất cả Pháp Ngũ Ngã chẳng thể đắc

Trong đó : ‘SA + RA = ‘SRA có nghĩa là Cát tường

HA + YA = HYA là nhân đẳng hay nhóm hạt nhân

I + MA = IM là tự ngã

Như vậy ‘SRHYIM có nghĩa là **Tự Ngã an ổn trong các nhân tốt lành**

Đây là Chân Ngôn của Ngài **Diệu Cát Tường Bồ Tát** (Mamju ‘sri Bodhisatva) hay còn gọi là **Nhất Kế Văn Thù Bồ Tát, Nhất Man Văn Thù Bồ Tát** . Tôn hình của Ngài là thân đồng tử màu vàng, ngồi bán già trên toà sen ngàn cánh . Tay trái cầm hoa sen xanh, trên hoa sen có viên ngọc báu Như Ý. Tay phải hướng ra ngoài rưỡi năm ngón xuống thành Ấn MÃN NGUYỆN, miệng mỉm cười. Trên đỉnh, tóc kết thành một búi nên gọi là Nhất Kế hay Nhất Man Văn Thù .

Trong Tôn tượng, hoa sen xanh biểu thị cho Tam Muội chẳng nhiễm dính các Pháp. Bảo Châu Như ý (Viên ngọc báu Như Ý) biểu tượng cho Phước Trí của Như Lai. Tay ấn Mãn Nguyện biểu thị cho sự làm thỏa mãn mọi ước nguyện của chúng sinh .

Kinh Văn Thù Sư Lợi Căn Bản Nhất Tự Đà La Ni có ghi rằng :

“Chú này hay diệt trừ tất cả yêu quái tà ác, là Pháp Cát Tường của tất cả Chư Phật, cũng hay thành tựu tất cả Thần Chú . Tụng Chú này hay khiến cho chúng sinh khởi tâm Đại Từ, tâm Đại Bi. Tất cả chướng ngại đều được tiêu diệt và đều được đầy đủ mọi ước nguyện .

Nếu có người nữ bị tai nạn lúc sinh sản hoặc người nam bị tên bắn cho đến bị tất cả các bệnh tật khổ, thì tụng Chú này sẽ trừ diệt được tất cả hiểm nạn.

Lại nữa, chú Đà La Ni này hay khiến cho chúng sinh trong đời hiện tại đắc được an ổn, Chư Phật Đại Bồ Tát thường là quyến thuộc, tất cả sở nguyện đều được thành tựu”.

Dựa vào ý nghĩa này, người hành Chân Ngôn thường trì tụng OM ‘SRHYIM để bảo hộ tự thân nhằm ngăn ngừa tất cả Quỷ Thần, Thiên Ma đến gây nhiễu hại và cầu được viên mãn mọi ước nguyện.

Theo ý nghĩa khác, Văn Thù Sư Lợi là vị Bồ Tát đã thông đạt Trí Tuệ thâm sâu của Như Lai, Trí Tuệ ấy chỉ có Chư Phật tự chứng biết chẳng có thể trao truyền lại cho người khác được. Nếu lìa phương tiện gia trì ắt chẳng ai có thể đạt đến được. Vì thế, vị Bồ Tát này trụ vào Tam Muội Thần Lực Gia Trì của Phật, dùng hạnh Anh Nhi (trẻ thơ) trở lại hiện thân đồng tử cầm Báu Như Ý vô nhiễm trước, soi sáng tâm ám tối của chúng sinh khiến cho họ tự nhận biết rằng mình vốn có đầy đủ các công đức bình đẳng như Chư Phật, chỉ vì Vô minh ngăn che nên chẳng tự biết rõ. Nay được ánh quang

minh Phước Trí soi tỏ thì phải thi hành vạn hạnh cho thành thực để khai mở hoa Bồ Đề

Trong thực tế, muốn thi hành vạn hạnh thì cần phải có sức kham nhẫn trong mọi hoàn cảnh, mọi trường hợp. Đồng thời phải có một ý chí sắt đá để ngăn ngừa dứt trừ các **Pháp Bất Thiện** (Aku'sla-dharma) đồng thời nuôi dưỡng và phát huy các **Pháp thiện** (Ku'sala-dharma). Điều này có nghĩa là Hành Giả cần phải chuyên tâm tu tập hai Pháp **Nhẫn Nhục Ba La Mật** (Kṣànti pàramità) và **Tinh Tiến Ba La Mật** (Vīrya pàramità) để làm sáng tỏ tâm hạnh Bồ Đề .

Như vậy, khi trì niệm OM 'SRHYIM hành giả sẽ tự giữ gìn được bản tâm thanh tịnh đồng thời tự tránh xa các Pháp ác, nuôi lớn các Pháp lành nhằm nuôi dưỡng hạt giống Tâm Bồ Đề đang nảy nở trong Tâm mình.

Đây là giai đoạn nương theo **Phước Trí Bình Đẳng** của Chư Phật Bồ Tát, tu tập hai Pháp Nhẫn Nhục Ba La Mật, Tinh Tiến Ba La Mật để trưởng dưỡng Tâm Bồ Đề, tức là làm sáng tỏ ý nghĩa Trừ cái chướng vậy .